

Số: 122/BC-UBND

Tân An, ngày 02 tháng 04 năm 2026

## BÁO CÁO

### **Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2026 trên địa bàn xã Tân An**

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 ngày 25 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch KT-XH và dự toán NSNN năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện các Nghị Quyết về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán NSNN năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định 329/QĐ-STC ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND xã về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương trên địa bàn xã Tân An năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND xã về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách xã và nguồn vốn khác do xã quản lý năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của UBND xã về việc giao bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Tân An (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2026 của UBND xã về việc giao bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 (Lần 1) cho Phòng Văn hóa – Xã hội xã;

*Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 20 tháng 03 năm 2026 của UBND xã về việc giao bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh 03 tháng đầu năm 2026 cho Phòng Văn hóa – Xã hội;*

Ủy ban nhân dân xã Tân An công khai tình hình thực hiện ngân sách quý I năm 2026 như sau:

### **I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Tổng thu NSNN thực hiện 61.947.939.822/146.820.000.000 đồng, đạt 42% so với dự toán tỉnh giao và 42% so với dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

1. Thu nội địa thực hiện 62.498.716.684/146.820.000.000 đồng, đạt 43% so với dự toán tỉnh giao và 43% so với dự toán HĐND xã giao.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước thực hiện: 364.524.724 đồng.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện: 4.912.876.279 đồng.

- Thuế CTN ngoài quốc doanh thực hiện 19.413.107.849/65.210.000.000 đồng, đạt 30% so với dự toán tỉnh giao và 30% so với dự toán HĐND xã giao.

- Thuế thu nhập cá nhân thực hiện 4.605.722.331/13.000.000.000 đồng, đạt 35% so với dự toán tỉnh giao và 35% so với dự toán HĐND xã giao.

- Lệ phí trước bạ thực hiện 2.000.857.280/11.000.000.000 đồng, đạt 18% so với dự toán tỉnh giao và 18% so với dự toán HĐND xã giao.

- Phí, lệ phí thực hiện 115.901.500/410.000.000 đồng, đạt 28% so với dự toán tỉnh giao và 28% so với dự toán HĐND xã giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện 29.013.429/1.100.000.000 đồng, đạt 3% so với dự toán tỉnh giao và đạt 3% so với dự toán HĐND xã giao.

- Thu tiền sử dụng đất thực hiện 30.645.550.000/50.000.000.000 đồng, đạt 61% so với dự toán tỉnh giao và 61% so với dự toán HĐND xã giao.

- Thu khác ngân sách thực hiện 410.733.660/1.600.000.000 đồng, đạt 26% so với dự toán tỉnh giao và 26% so với dự toán HĐND xã giao.

- Thu tiền thuê đất thực hiện 0/4.500.000.000 đồng, đạt 0% so với dự toán tỉnh giao và 0% so với dự toán HĐND xã giao.

- Thu tiền cấp quyền khai thác thực hiện 429.632 đồng

2. Hoàn thuế giá trị gia tăng: - 550.776.862 đồng.

### **II. Chi ngân sách địa phương**

Tổng chi ngân sách địa phương quý I năm 2026 thực hiện 30.771.925.671/240.390.001.486 đồng, đạt 13% so với dự toán tỉnh giao và đạt 13% so với dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 0/63.617.000.000 đồng, đạt 0% so với dự toán tỉnh giao và đạt 0% so với dự toán HĐND xã giao.

2. Chi thường xuyên: thực hiện 30.771.925.671/171.912.001.486 đồng, đạt 18% so với dự toán tỉnh giao và 18% so với dự toán HĐND xã giao, gồm:

- Chi giáo dục - đào tạo thực hiện 16.689.982.843/84.910.680.000 đồng, đạt 20% so với dự toán tỉnh giao và đạt 20% so với dự toán HĐND xã giao.

- Chi khoa học và công nghệ thực hiện 0/290.000.000 đồng, đạt 0% so với dự toán tỉnh giao và đạt 0% so với dự toán HĐND xã giao.

- Chi y tế, dân số và gia đình thực hiện 1.044.833.984/6.071.200.000 đồng, đạt 17% so với dự toán tỉnh giao và đạt 17% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi văn hóa thông tin thực hiện 7.312.404/800.000.000 đồng, đạt 1% so với dự toán tỉnh giao và đạt 1% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi phát thanh, truyền hình thực hiện 0/300.000.000 đồng, đạt 0% so với dự toán tỉnh giao và đạt 0% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi thể dục thể thao thực hiện 0/400.000.000 đồng, đạt 0% so với dự toán tỉnh giao và đạt 0% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi bảo vệ môi trường thực hiện 30.000.000/6.524.000.000 đồng, đạt dưới 1% so với dự toán tỉnh giao và đạt dưới 1% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi hoạt động kinh tế thực hiện 741.242.174/13.178.300.000 đồng, đạt 6% so với dự toán tỉnh giao và đạt 6% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi an ninh thực hiện 660.492.000/2.949.800.000 đồng, đạt 22% so với dự toán tỉnh giao và đạt 22% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi quốc phòng thực hiện 744.408.500/7.320.600.000 đồng, đạt 10% so với dự toán tỉnh giao và đạt 10% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể thực hiện 5.935.890.766/32.127.921.486 đồng, đạt 18% so với dự toán tỉnh giao và đạt 18% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi đảm bảo xã hội thực hiện 4.917.763.000/16.589.500.000 đồng, đạt 30% so với dự toán tỉnh giao và đạt 30% so với dự toán HĐND xã giao.
  - Chi khác thực hiện 0/450.000.000 đồng, đạt 0% so với dự toán tỉnh giao và đạt 0% so với dự toán HĐND xã giao.
3. Dự phòng ngân sách: 0/4.861.000.000 đồng, đạt 0% so với dự toán tỉnh giao và đạt 0% so với dự toán HĐND xã giao.

*(Đính kèm các biểu)*

### **III. Đánh giá chung**

Qua đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2026, nhìn chung tiến độ thu ngân sách đạt khá so với dự toán năm, tổng thu đạt 42% dự toán, cơ bản đảm bảo tiến độ đề ra. Một số khoản thu đạt mức khá như thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 30%, thuế thu nhập cá nhân đạt 35%, phí và lệ phí đạt 28%, thu khác ngân sách đạt 26%; đặc biệt thu tiền sử dụng đất đạt 61% dự toán, góp phần quan trọng tăng nguồn thu ngân sách địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản thu đạt thấp so với tiến độ như lệ phí trước bạ đạt 18%, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt khoảng 3%, thu tiền thuê đất chưa phát sinh; các khoản thu này cần tiếp tục theo dõi và tăng cường đôn đốc thực hiện trong các quý tiếp theo.

Về chi ngân sách, tổng chi quý I đạt 13% dự toán năm, chủ yếu là chi thường xuyên phục vụ hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn. Một số lĩnh vực chi đạt khá như chi đảm bảo xã hội, chi an ninh; nhiều lĩnh vực chi đạt thấp do nhiệm vụ tập trung thực hiện vào các quý sau năm ngân sách. Công tác điều hành chi được thực hiện chặt chẽ, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định; chưa sử dụng dự phòng ngân sách.

Bên cạnh đó, chi đầu tư phát triển trong quý I năm 2026 chưa thực hiện, đạt 0% dự toán, nguyên nhân chủ yếu do các công trình, dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục đầu tư, lập hồ sơ thiết kế, dự toán và lựa chọn nhà thầu theo quy định, nên chưa phát sinh khối lượng thanh toán. Ủy ban nhân dân xã sẽ tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư, sớm triển khai thi công và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 theo quy định.

Nhìn chung, ngân sách xã quý I năm 2026 đảm bảo cân đối thu - chi, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương; tuy nhiên cần tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện chi đầu tư phát triển và tăng cường công tác quản lý thu đối với các khoản thu đạt thấp nhằm phấn đấu hoàn thành dự toán ngân sách năm 2026.

#### **IV. Phương hướng thực hiện các quý còn lại năm 2026**

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn, tập trung khai thác tốt các nguồn thu, đặc biệt là thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, phí và lệ phí; phối hợp với cơ quan thuế đôn đốc các khoản thu phát sinh theo đúng quy định. Điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả theo dự toán được giao; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng và an ninh.

Tăng cường kiểm soát chi ngân sách, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; hạn chế phát sinh chuyển nguồn cuối năm, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Công tác điều hành chi đầu tư công sẽ được Ủy ban nhân dân xã tập trung chỉ đạo trong các quý tiếp theo; rà soát tiến độ từng công trình, dự án, đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu và triển khai thi công theo kế hoạch. Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; bố trí vốn phù hợp theo tiến độ thực hiện, đảm bảo giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 theo đúng quy định, hạn chế dồn khối lượng thanh toán vào cuối năm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện dự toán thu, chi ngân sách; kịp thời tham mưu điều chỉnh, điều hành ngân sách phù hợp với tình hình thực tế, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ ngân sách năm 2026 theo kế hoạch đề ra.


Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân quý I năm 2026 trên địa bàn xã Tân An./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Chánh, Phó CVP HĐND&UBND xã;
- Các ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Các Trưởng ấp trong xã;
- Trang thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT, (Nga).

(D: năm 2026/Phòng Kinh tế Tân An)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ TÂN AN**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026**

*Đơn vị: đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>146.820.000.000</b>	<b>61.947.939.822</b>	<b>42%</b>	<b>0%</b>
1	Thu nội địa	146.820.000.000	62.498.716.684	43%	0%
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
5	Hoàn thuế GTGT		-550.776.862		0%
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>248.876.387.742</b>	<b>90.435.664.701</b>	<b>36%</b>	<b>0%</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>95.184.000.000</b>	<b>34.716.276.959</b>	<b>36%</b>	<b>0%</b>
	Các khoản thu hưởng 100%	13.110.000.000	2.301.549.309	18%	0%
	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	82.074.000.000	32.414.727.650	39%	0%
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>145.173.721.486</b>	<b>47.200.721.486</b>	<b>33%</b>	<b>0%</b>
	Thu bổ sung cân đối	130.628.000.000	32.655.000.000	25%	0%
	Thu bổ sung có mục tiêu	14.545.721.486	14.545.721.486	100%	0%
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>8.518.666.256</b>	<b>8.518.666.256</b>	<b>100%</b>	<b>0%</b>
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>240.390.001.486</b>	<b>30.771.925.671</b>	<b>13%</b>	<b>0%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	63.617.000.000	0	0%	0%
2	Chi thường xuyên	171.912.001.486	30.771.925.671	18%	0%
3	Dự phòng ngân sách	4.861.000.000	0	0%	0%
4	Chi tạo nguồn CCTL				
5	Các nhiệm vụ chi khác				

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ TÂN AN**

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>146.820.000.000</b>	<b>61.947.939.822</b>	<b>42%</b>	<b>0%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>146.820.000.000</b>	<b>62.498.716.684</b>	<b>43%</b>	<b>0%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	0	364.524.724		0%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	4.912.876.279		0%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	65.210.000.000	19.413.107.849	30%	0%
4	Thuế thu nhập cá nhân	13.000.000.000	4.605.722.331	35%	0%
5	Thuế bảo vệ môi trường				0%
6	Lệ phí trước bạ	11.000.000.000	2.000.857.280	18%	0%
7	Thu phí, lệ phí	410.000.000	115.901.500	28%	0%
8	Các khoản thu về nhà, đất	55.600.000.000	30.674.563.429	55%	0%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				0%
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>29.013.429</i>	<i>3%</i>	<i>0%</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>30.645.550.000</i>	<i>61%</i>	<i>0%</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất</i>	<i>4.500.000.000</i>		<i>0%</i>	<i>0%</i>
	<i>Tiền cho thuê mặt nước</i>				<i>0%</i>
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				<i>0%</i>
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				0%
10	Thu khác ngân sách	1.600.000.000	410.733.660	26%	0%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0	0		0%
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	429.632		0%
13	Thu huy động đóng góp	0	0		0%
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0%</b>
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0%</b>
<b>VI</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0%</b>
<b>VI</b>	<b>Hoản thuế GTGT</b>	<b>0</b>	<b>-550.776.862</b>		<b>0%</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>95.184.000.000</b>	<b>34.716.276.959</b>	<b>36%</b>	<b>0%</b>
1	Các khoản thu hưởng 100%	13.110.000.000	2.301.549.309	18%	0%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	82.074.000.000	32.414.727.650	39%	0%

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ TÂN AN**

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026**

*Đơn vị: đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>240.390.001.486</b>	<b>30.771.925.671</b>	<b>13%</b>	<b>0%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>63.617.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	63.617.000.000	0	0%	0%
2	Chi đầu tư phát triển khác	0	0		0%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>171.912.001.486</b>	<b>30.771.925.671</b>	<b>18%</b>	<b>0%</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	84.910.680.000	16.689.982.843	20%	0%
2	Chi khoa học và công nghệ	290.000.000	0	0%	0%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	6.071.200.000	1.044.833.984	17%	0%
4	Chi văn hóa thông tin	800.000.000	7.312.404	1%	0%
5	Chi phát thanh, truyền hình	300.000.000	0	0%	0%
6	Chi thể dục thể thao	400.000.000	0	0%	0%
7	Chi bảo vệ môi trường	6.524.000.000	30.000.000	0%	0%
8	Chi hoạt động kinh tế	13.178.300.000	741.242.174	6%	0%
9	Chi an ninh	2.949.800.000	660.492.000	22%	0%
10	Chi quốc phòng	7.320.600.000	744.408.500	10%	0%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	32.127.921.486	5.935.890.766	18%	0%
12	Chi bảo đảm xã hội	16.589.500.000	4.917.763.000	30%	0%
13	Chi khác	450.000.000	0	0%	0%
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>4.861.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn CCTL</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>V</b>	<b>Các nhiệm vụ chi khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		